

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HÓA  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST  
Ngày 16/4/2024.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Doãn Giới  
Ông Lê Xuân Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Xuân T**; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1981 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Phô P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chưa xác định được tên; con bà Lê Thị P; vợ: Hoàng Thị N (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 04/5/2023 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”. Ngày 31/5/2015 chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2023. Có mặt.

2. **Nguyễn Xuân T1**; sinh ngày 10 tháng 01 năm 1994 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Phô P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T2 và bà Lê Thị P1; vợ: Đinh Thị N1 và có 02 con; tiền sự; tiền án: Không; bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2023. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Như T3**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **Phô T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh **Vũ Văn S**, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10<sup>h</sup> ngày 18/12/2023, Nguyễn Như T3 gọi điện cho Nguyễn Xuân T1 qua phần mềm zalo hỏi: “Có đồ không để tôi cái”, D quen biết từ trước nên T1 hiểu ý Nguyễn Như T3 là muốn mua ma túy “đá” nên nói với T3: “Có gì trưa tôi gọi lại”. Đến khoảng 11<sup>h</sup> 30’ cùng ngày, T1 gọi điện cho Lê Xuân T hỏi: “Anh có đồ không để em một cái 500.000 đồng”. Do cũng quen biết từ trước nên Lê Xuân T cũng hiểu ý T1 muốn mua ma túy “đá” nên bảo: “Ừ, vào nhà đi”. Sau đó, T1 mượn xe máy nhãn hiệu AIR BLADE, biển kiểm soát 36B1-004.99 của anh Vũ Văn S đi đến nhà Lê Xuân T tại nhà số A đường B, phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Khi T1 đến cổng Lê Xuân T đi ra gặp và đọc số tài khoản Ngân hàng V của chị Nguyễn Thị L là 107872728721 cho T1 chuyển tiền mua ma túy. T1 chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng M của mình, số tài khoản là 0977789153 vào tài khoản của chị Nguyễn Thị L số tiền 1.500.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng là tiền trả nợ cho Lê Xuân T, 500.000 đồng là tiền mua ma túy. Sau đó, Lê Xuân T đưa cho T1 01 gói nilon màu xanh đựng ma túy “đá”. Sau khi mua được ma túy, trên đường về T1 gọi điện thoại cho Nguyễn Như T3 hỏi: “Có lấy không”, Nguyễn Như T3 nói “Chưa đủ tiền” thì T1 nói: “Cứ chuyển đây, còn chuyển sau cũng được”. Sau đó, T1 đi về nhà anh S để trả xe máy cho anh S. Anh S điều khiển xe máy đi có việc nên nhờ T1 trông nhà. Sau khi anh S đi, T1 lấy một ít ma túy “đá” ra sử dụng, sử dụng xong, T1 mang dụng cụ tự chế ra ruộng vút, số ma túy “đá” còn lại T1 để bán cho Nguyễn Như T3. Khoảng 13<sup>h</sup> giờ 00’ cùng ngày, Nguyễn Như T3 chuyển số tiền 370.000 đồng từ tài khoản MOMO 0697044105922 vào tài khoản của T1, còn nợ lại số tiền 130.000 đồng. Sau khi chuyển tiền, Nguyễn Như T3 gọi điện cho T1, T1 bảo Nguyễn Như T3 chạy xuống nhà anh S. Khoảng 30 phút sau, Nguyễn Như T3 đến; T1 để gói ma túy ở hè và chỉ cho Nguyễn Như T3 lại lấy, lúc này lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang, tại chỗ thu giữ: 01 gói nilon màu xanh, mở gói nilon ra bên trong là túi nilon kích thước (2x1)cm đựng các hạt tinh thể màu trắng tại túi quần bên phải của Nguyễn Như T3 đang mặc, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A20, lắp sim số 0973138163 của Nguyễn Như T3 và 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO, lắp sim số 0866743782 của Nguyễn Xuân T1. Ngoài ra, không thu giữ được thêm gì khác.

Căn cứ tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Xuân T thu giữ tại cây máy tính đặt trong phòng ngủ của Lê Xuân T: 02 túi màu trắng có viền đỏ có kích thước lần lượt là (6x5)cm và (5x4)cm, bên trong đều chứa các hạt tinh thể màu trắng; 07 gói nilon màu xanh, có kích thước (5,5x1)cm, mở gói nilon ra bên trong là túi nilon màu trắng có kích thước (2,5x1)cm đựng các hạt tinh thể màu trắng (theo Lê Xuân T khai báo đây là ma túy của Lê Xuân T mua để bán kiếm lợi). Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của anh Vũ Văn S, Nguyễn Xuân T1, không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập **Lê Xuân T** để làm việc. Tại Cơ quan Công an, nhận thấy hành vi của mình không thể trốn tránh được, **Lê Xuân T** tự nguyện xin đầu thú, khai báo hành vi bán trái phép chất ma túy cho **Nguyễn Xuân T1**.

Kết luận giám định số 4610/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng thu giữ khi bắt quả tang **Nguyễn Xuân T1** của phong bì niêm phong M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,050g (không phải không năm không gam) loại: Methamphetamine;

- Các hạt tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi nilon màu trắng, viên đỏ thu giữ khi khám xét chỗ ở của **Lê Xuân T** của phong bì niêm phong M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,218g (không phải hai một tám gam) loại: Methamphetamine;

- Các hạt tinh thể màu trắng đựng trong 07 gói nilon màu xanh thu giữ khi khám xét chỗ ở của **Lê Xuân T** của phong bì niêm phong M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,367g (không phải ba sáu bảy gam) loại: Methamphetamine

Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0.039 (không phải không ba chín gam) các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1; 0,200g (không phải hai không không gam) các hạt tinh thể màu trắng đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu M2; 0,338g (không ba ba tám gam) các hạt tinh thể màu trắng đựng trong bảy gói nilon màu xanh của phong bì ký hiệu M2 sau giám định. Tất cả được niêm phong trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng KTHS **Công an tỉnh T** phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lại Thị Thanh L1, Trần Thị Thúy H, Đồng Trọng B** và hình dấu đỏ của Phòng KTHS **Công an tỉnh T**; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A20, màu xanh, có số seri R58M83CYBPY, khe sim 1 lắp sim số 0977789153, có số seri 8984048000924346393, khe sim 2 lắp sim số 0973138163, có số seri 8984048000932820835 thu giữ của **Nguyễn Xuân T1** và 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO 1820, màu đen, có số imei 1 là 862449042720827, imei 2 là 86244904272827, lắp sim số 0866743782, có số seri 8984048000384305429 thu giữ của **Nguyễn Như T3**.

Cáo trạng số 34CTr-VKSHH ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo **Lê Xuân T** và **Nguyễn Xuân T1** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên; sau khi đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Lê Xuân T** và **Nguyễn Xuân T1** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với **Lê Xuân T**); Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; mức hình phạt

đối với bị cáo **Lê Xuân T** từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; bị cáo **Nguyễn Xuân T1** từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam;

Vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A20, màu xanh, có số seri R58M83CYBPY và 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO 1820, màu đen, có số imei 1 là 862449042720827, imei 2 là 86244904272827 và số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) do chị **Nguyễn Thị L** giao nộp.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0977789153; 01 sim điện thoại số 0973138163; 01 sim số 0866743782 và toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0.039 (không phẩy không ba chín gam) các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1; 0,200g (không phẩy hai không không gam) các hạt tinh thể màu trắng đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu M2; 0,338g (không ba ba tám gam) các hạt tinh thể màu trắng đựng trong bảy gói nilon màu xanh của phong bì ký hiệu M2 sau giám định. Tất cả được niêm phong trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng KTHS **Công an tỉnh T** phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lại Thị Thanh L1**, **Trần Thị Thúy H**, **Đổng Trọng B** và hình dấu đỏ của Phòng KTHS **Công an tỉnh T**. Buộc các bị cáo **Lê Xuân T**, **Nguyễn Xuân T1** chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện H**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: **Lê Xuân T** và **Nguyễn Xuân T1** đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: Ngày 18/12/2023, do nhận lời bán ma túy cho **Nguyễn Như T3** nên **Nguyễn Xuân T1** gọi điện cho **Lê Xuân T** hỏi mua ma túy, **Lê Xuân T** đồng ý, đến khoảng 11<sup>h</sup>30' **T1** đến nhà **T** tại tại nhà số A đường B, phố Đ, thị trấn B, huyện H, khi **T1** đến **T** đọc số tài khoản **ngân hàng V1** của chị **Nguyễn Thị L** là 107872728721 cho **T1** chuyển tiền mua ma túy, sau khi chuyển xong tiền **T** đưa cho **T1** 01 gói nilon màu xanh đựng ma túy “đá”. Sau khi có ma túy, **T1** gọi điện thoại hẹn gặp **Nguyễn Như T3** để bán lại. Trong lúc chờ **Nguyễn**

Như T3 thì T1 lấy ra một ít ma túy vừa mua được để sử dụng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa khi T1 đang giao ma túy cho Nguyễn Như T3 thì bị bắt quả tang, thu giữ 0,050g ma túy loại: Methamphetamine. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Xuân T thu giữ 0,585 gam ma túy loại Methamphetamine, Lê Xuân T khai tàng trữ để bán kiếm lời.

Kết luận giám định số 4610/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Nguyễn Xuân T1 có tổng khối lượng 0,050g (không thấy không năm không gam) loại: Methamphetamine;

Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Lê Xuân T có tổng khối lượng 0,218g (không thấy hai mươi tám gam) và 0,367g (không thấy ba sáu bảy gam) loại: Methamphetamine.

Hành vi của các bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Xuân T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Xuân T1 đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo Lê Xuân T và Nguyễn Xuân T1 phạm tội độc lập với nhau, Nguyễn Xuân T1 mua ma túy của Lê Xuân T để bán cho Nguyễn Như T3, sau khi mua được T1 cắt lại một phần để sử dụng, số còn lại bán cho Nguyễn Như T3, vì vậy giữa T1 và Lê Xuân T không có sự bàn bạc, phân công trong quá trình thực hiện hành vi nên không thuộc trường hợp đồng phạm.

Do đó, Nguyễn Xuân T1 chịu trách nhiệm hình sự với số ma túy mua của Lê Xuân T và bán lại cho Nguyễn Như T3 là 0,050g loại: Methamphetamine, còn Lê Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Xuân T1 bán cho Nguyễn Như T3 và số ma túy khám xét tại nhà Lê Xuân T, tổng khối lượng 0,635g loại: Methamphetamine.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng các quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo T khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập đến làm việc đã tự nguyện đầu thú, đã tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do đó giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về nhân thân: Bị cáo **Lê Xuân T** đã bị Tòa án xét xử 01 lần và bị **Công an huyện H** xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích ngày 04/5/2023, điều đó cho thấy bị cáo không biết sửa đổi, khắc phục hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của mình để làm người lương thiện, sống có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật; do đó cần áp dụng một hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Trong vụ án này **Nguyễn Như T3** là người mua ma túy của **Nguyễn Xuân T1** để sử dụng nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị **Công an huyện H** đã xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. Theo lời khai của bị cáo **Lê Xuân T** số ma túy có được là bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực phía sau **siêu thị B1, thành phố T** với số tiền 2.000.000 đồng, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng do không biết đầy đủ họ tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật thuộc Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 500.000 đồng chị **Nguyễn Thị L** giao nộp là tiền do bị cáo **Lê Xuân T** phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, 01 điện thoại di động thu giữ của **Nguyễn Xuân T1** và 01 điện thoại thu giữ của **Nguyễn Như T3** dùng để liên lạc với nhau mua bán ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với 03 sim điện thoại của **T1** và **T3** không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với **Lê Xuân T**) Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên bố:* Các bị cáo **Lê Xuân T** và **Nguyễn Xuân T1** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

*Xử phạt:*

Bị cáo **Lê Xuân T** **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2023.

Bị cáo **Nguyễn Xuân T1** 02 (Hai) năm 06 (**Sáu**) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2023.

*Vật chứng:* Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 33/BBGN ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A20, màu xanh, có số seri R58M83CYBPY và 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO 1820, màu đen, có số imei 1 là 862449042720827, imei 2 là 86244904272827 theo biên bản giao nhận vật chứng số 33/BBGN ngày 15/4/2024 của **Chi cục THADS huyện H** và số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001762 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0977789153; 01 sim điện thoại số 0973138163 và 01 sim số 0866743782 theo biên bản giao nhận vật chứng số 33/BBGN ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

*Án phí:* Buộc các bị cáo **Lê Xuân T** và **Nguyễn Xuân T1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

*Quyền kháng cáo:* Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- CQ điều tra Công an huyện Hoằng Hóa;
- CQ THA HS huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Cao Thị Nga**